

Số: 751/2018/QĐST-HNGĐ

Bình Chánh, ngày 20 tháng 9 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1043/2018/TLST-HNGĐ ngày 15/8/2018 giữa:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thành T**, sinh năm: 1980
Nơi cư trú: Ấp 4, xã Tân Bửu, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

2. Bị đơn: Bà **Lê Thị Cẩm T**, sinh năm: 1988

Nơi cư trú: C15/36 ấp 3, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12/9/2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12/9/2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Thành T và bà Lê Thị Cẩm T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ vợ chồng: Ông Nguyễn Thành T và bà Lê Thị Cẩm T đồng ý ly hôn với nhau.

Giấy chứng nhận kết hôn số 24/2008 quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã An Bình Tây, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre cấp ngày 28/3/2008 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Ông T và bà T thỏa thuận giao trẻ Nguyễn Tấn Phát, sinh ngày 23/10/2009 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông T.

Ông T có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông T và bà T xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Ông Nguyễn Thành T tự nguyện chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0005705 ngày 10/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Ông T được nhận lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- VKSND H.BC (2);
- Ủy ban nhân dân xã An Bình Tây, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre (1);
- THADS HBC (1);
- Lưu: hồ sơ vụ án (5).

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Sương